TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 282/2021/QĐST-HNGĐ	*Quận T, ngày 28 tháng 04 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 207/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1, Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1998

Địa chỉ : đường C, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

2, Ông Bùi Văn T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: đường S, phường X, quận K, TP Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2019 do Ủy ban nhân dân phường phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/01/2019 thì ông T và bà N là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N cùng trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên:

Bùi Ngọc Tuệ L, sinh ngày 11/03/2019

Hai bên thỏa thuận, bà N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bùi Ngọc Tuệ L. Ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Bùi Ngọc Tuệ L 3.000.000 đ (Ba triệu đồng)/ 1 tháng, bắt đầu thi hành ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ L đủ 18 tuổi

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà N khai không có

[5] Về nợ chung: Ông T và bà N khai không có

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông T và bà N chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị Yến N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên

Bùi Ngọc Tuệ L, sinh ngày 11/03/2019

Bà Trần Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bùi Ngọc Tuệ L. Ông Bùi Văn T cấp dưỡng nuôi trẻ Bùi Ngọc Tuệ L 3.000.000 đ (Ba triệu đồng)/ 1 tháng, bắt đầu thi hành ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ L đủ 18 tuổi

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung : Ông T và bà N khai không có

- Về nợ chung : Ông T và bà N khai không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị Yến N chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông T và bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0069255 ngày 29/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;

- Ủy ban nhân dân phường B, quận T
(GCNKH số 05/2019 ngày 10/01/2019)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thị Hồng Vân